



VŨ CHÂU QUẢN

BÁC HỒ

VỚI BÁO

VIỆT NAM

ĐỘC LẬP



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



BÁC HỒ
VỚI BÁO
VIỆT NAM
ĐỘC LẬP

VŨ CHÂU QUÁN

BÁC HỒ
VỚI BÁO
VIỆT NAM
ĐỘC LẬP

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Lời nói đầu

Chưa có điều kiện hoàn chỉnh một cuốn sách dày dặn về đề tài này, tôi chỉ muốn giúp bạn đọc ít tư liệu về một tờ báo cách mạng do Bác Hồ sáng lập và chăm sóc nhiều mặt, đã lưu hành bí mật tại căn cứ địa Việt Bắc trong những năm tháng chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Đầu xuân năm 1972, chiến tranh còn đang ác liệt, do nhu cầu của công tác nghiên cứu, tôi được phép vào Viện Bảo tàng Cách mạng Trung ương (lúc này chưa xây dựng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh) đọc tập thơ Lịch sử nước ta (dài 212 câu) của Bác Hồ và toàn bộ báo Việt Nam độc lập từ số đầu ra ngày mùng 1 tháng 8 năm 1941 đến số cuối ra ngày 20 tháng 8 năm 1945.

Dù báo đã rất cũ, in trên giấy bản và giấy dó, tôi vẫn say sưa như những ngày nào vào cuối năm 1944 - đầu năm 1945, được lén lút đọc hai tờ báo Cờ giải phóng, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương và báo Cứu quốc, cơ quan Trung ương của mặt trận Việt Minh, lưu hành bí mật tại một số tỉnh miền xuôi.

Ở hai tờ báo này, tôi rất mê say những dòng tin sốt dẻo, những bài xã luận ngắn, gọn với những đầu đề hấp dẫn như: “Phát xít Đức đã tắt thở! Nội các Trần Trọng Kim đã làm được những việc gì?...” v.v.

Gần ba chục năm sau, tình hình đã khác xưa nhiều lắm, đọc báo Việt Nam độc lập tôi vẫn say sưa được ôn lại một chặng đường lịch sử qua những dòng tin,

những bài xã luận, đặc biệt qua những bài thơ đôi khi rất dài (36 câu) trong mục Vườn văn mà hai tờ báo kể trên hầu như chưa có.

Có lẽ vì khuôn khổ báo có hạn, nhưng chủ yếu là về tình hình thế giới đang diễn ra hết sức khẩn trương, cần ưu tiên cho những thông tin cấp tốc.

Tờ báo là tài liệu quý cho người cán bộ đi vận động quần chúng. Một hay nhiều gia đình tập hợp quanh ánh lửa nhà sàn nghe người cán bộ kể chuyện tình hình và nghe đọc thơ, những vần thơ giản dị, gần gũi, dễ thuộc, dễ nhớ để sớm mai lên núi, làm nương... có thể đọc cho người khác cùng nghe.

Cứ như thế! Như thuốc bổ ngấm dân, những dòng tin, những vần thơ góp phần làm cho quần chúng lớn lên, góp phần làm cho núi rừng chuyển động:

Lam Sơn đây một vùng Núi đỏ.

Du kích quân rộn rã thao trường.

Cao - Bắc - Lạng khơi dòng thác đỏ.

Chảy về xuôi, mở lối đại dương

(Theo chân Bác - Tố Hữu)

Đừng ai vội đòi hỏi một cái gì cao siêu, điêu luyện ở những vần thơ của một tờ báo không chuyên đăng các tác phẩm văn học - nghệ thuật, nhưng ở đây là những vần thơ ít nhiều mang hơi thở của thời đại, mang khát vọng giải phóng đất nước, giải phóng con người, bộc lộ những cảm xúc, suy tư thiết tha, da diết về lẽ lớn của cuộc đời.

Cuốn sách chắc còn những hạn chế về nghiên cứu - tiểu luận và sưu tập, tuyển chọn, kính mong bạn đọc cảm thông và chỉ giáo.

Thái Nguyên, ngày 3 tháng 2 năm 2006

TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

NGHIÊN CỨU - TIỂU LUẬN



I - SỰ RA ĐỜI CỦA BÁO *VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

Cuốn sách *Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp* của Viện Lịch sử Đảng đã có những lời giới thiệu khá gọn gàng về báo *Việt Nam độc lập* như sau:

“Để đẩy mạnh hơn việc tuyên truyền cổ động và tổ chức nhân dân vào các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định cho xuất bản tờ báo *Việt Nam độc lập* gọi tắt là “*Việt lập*” lưu hành ở các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 8 năm 1942 hầu như số báo nào cũng có bài viết của Người. Tờ báo đã đăng nhiều bài thơ phân lớn do Người viết”.

Nhiều bạn đọc năm nay (2006) ở tuổi thất thập trở lên, vào cuối năm 1944 đầu năm 1945, đang tuổi thiếu niên học sinh, ít nhiều đã được truyền tay nhau một số tờ báo cách mạng lưu hành bí mật.

Báo *Cờ giải phóng*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như báo *Cứu*

quốc, cơ quan của Mặt trận Việt Minh thường in ly tô trên giấy học sinh nhuộm phẩm xanh.

Chúng tôi không chỉ hứng thú trước những nhận định sắc sảo về tình hình trong nước và thế giới mà còn say sưa với những lời văn sôi nổi, hào hùng... Trí nhớ vẫn còn in đậm những câu chữ: “*Phải tiến gấp! Phát xít Đức đã tắt thở! Nội các Trần Trọng Kim đã làm được những việc gì?...*”

Sau này tình hình đã khác xưa, do nhu cầu của công tác nghiên cứu, có dịp đọc lại toàn bộ và tronton các số báo *Việt Nam độc lập* tại một số cơ quan lưu trữ Trung ương, chúng tôi vẫn giữ được niềm say mê, hào hứng đối với báo chí cách mạng lưu hành trong thời kỳ bí mật.

Báo *Việt Nam độc lập* ra đời trước báo *Cờ giải phóng* và báo *Cứu quốc*, được in trên giấy dó, khổ rộng, lưu hành ban đầu ở Cao Bằng và Bắc Kạn, sau đó tới các tỉnh trong căn cứ địa Việt Bắc.

Cũng cần nhớ lại: Vào mùa xuân năm 1941, sau khi trở về nước, trong hoàn cảnh còn bao khó khăn, thiếu thốn, Bác Hồ đã bắt tay vào công việc biên soạn các tài liệu huấn luyện và sau khi chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8, họp từ ngày 10 đến 19 tháng 5 tại Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, tiếp theo còn phải hoàn thành bao việc khác, Bác vẫn chuẩn bị xúc tiến sự ra đời của tờ báo *Việt Nam độc lập*.

Đến ngày 1 tháng 8 năm 1941, tại rừng Khuổi Nậm, tờ báo số đầu tiên xuất hiện, mang đến cho các hội viên cứu quốc, cho nhân dân các dân tộc một luồng sinh khí mới mẻ. Báo ra đều đặn, mỗi tháng

3 kỳ, liên tục 4 năm liền, kết thúc xuất sắc nhiệm vụ vào ngày 20 tháng 8 năm 1945.

Từ mùa thu năm 1941 đến mùa thu năm 1942, trước khi lên đường sang Trung Quốc công tác, Bác đã chăm sóc mọi mặt của tờ báo: Từ việc lấy tin, trình bày, minh hoạ đến viết xã luận Chính trị, xã luận văn hoá - nghệ thuật (như các bài: *Nên học sử nước ta, Công dụng của thơ ca...*), làm thơ đăng trong các mục “*Vườn văn*” bao gồm thơ vận động các tầng lớp nhân dân (như: *Ca công nhân, Ca tự vệ, Ca du kích, Ca sợi chỉ...*), thơ ca châm biếm kẻ thù (như *Pê tanh, Đờ cu*).

Từ mùa thu năm 1942, đồng chí Phạm Văn Đồng rồi các đồng chí khác tiếp tục đường hướng vững chắc của tờ báo mà Bác đã đặt nền móng.

II - “VƯỜN VĂN” GIÀU HƯƠNG SẮC TRÊN BÁO *VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

Từ “*Vườn văn*” có thể do Bác đặt, thể hiện phong cách vui tươi, dí dỏm của Bác và thể hiện quan điểm văn chương của Bác.

“*Vườn văn*” nhưng lại đăng thơ vì thơ là loại văn sáng tác, khác với loại văn trong mục tin tức, xã luận.... Văn ở đây là văn chương, là những lời hay, ý đẹp, dễ thuộc, dễ nhớ. Xưởng in của Bác cũng rất đơn giản: Một hòn đá ly tô, một hòm mực in, một ru lô mực, hai máy chữ, vài thếp giấy. Đến kỳ in báo, cái bàn làm việc của Bác lại chính là cái bàn in báo. Mọi hoạt động đều thu gọn trong cái lán:

Nhà dựng liền ngay vào vách đá

Giường kê sát hẳn dưới chân cây...

(Hồi ký của đồng chí Trương Nam Hiến

- Tạp chí Văn nghệ Việt Bắc - Tháng 8 năm 1964)

“*Vườn văn*” thường có một, đôi khi có hai bài thơ. Bài ngắn thường có 6 hay 8 câu, bài dài nhất là 50 câu.

“*Vườn văn*” thường hỗ trợ nội dung cho mục tin tức hay xã luận. Ví dụ số báo 106, ra ngày 21 tháng 9 năm 1941 có bài xã luận nhan đề “Trẻ con Việt Nam” với những câu như: “Cái mầm có tốt thì cây mới vững. Cái búp có mạnh thì hoa mới tươi, quả mới tốt. Con trẻ là cái mầm, cái búp của dân tộc. Con trẻ có được nuôi dưỡng, giáo dục hẳn hoi thì dân tộc mới có thể tự cường, tự lập”. Mục “*Vườn văn*” cùng số báo trên có bài “Trẻ con”:

“Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.

“*Vườn văn*” không ghi tên tác giả, đôi khi cuối bài có một tên vui vui. Ví dụ: Kết thúc bài “Trẻ con” là hai chữ “*Bé con*”.

Sau này, khi tập *Thơ - Hồ Chủ tịch* xuất bản năm 1967 và tập *Thơ - Hồ Chí Minh* xuất bản năm 1970, tập thể cán bộ được giao nhiệm vụ biên tập đã thay đổi một số câu, chữ:

Ví dụ: Ở bài “*Dân cày*” đăng trên báo số 103, ra ngày 21-8-1941 đã đổi câu:

“Lại còn sưu nặng, thuế cao”

trong nguyên văn, thành:

“Lại còn thuế nặng, sưu cao”.

Đổi câu cuối bài:

“Việt Nam nông dã tất canh kỳ điền”

trong nguyên văn, thành:

“Nông dân có đủ ruộng mình làm ra”.

Hay ở bài “Chúc năm mới” trong số 141, ra ngày 1-1-1942, những người làm sách đã đổi đầu đề ấy thành: “Mừng xuân 1942”.

Đổi chữ “*sẽ diệt vong*” thành “*sớm diệt vong*”.

Đổi chữ “*càng tấn tới*” thành “*càng tiến tới*”.

Đổi chữ “*rất vẻ vang*” thành “*tết vẻ vang*”.

Đổi chữ “*Cách mệnh thành công*” thành “*Cách mạng thành công*”...

Việc đổi như vậy nhìn chung không có hại gì lớn nhưng có lúc khó giữ được không khí thời điểm ra đời của bài thơ. Ví dụ: Hồi đó Bác dùng chữ “*Cách mệnh*” hay “*tấn tới*” là chuyện bình thường, thậm chí có những câu như: “*Việt Nam nông dân đã tắt canh kỳ điền*” (nghĩa là: *Nông dân thế tắt có ruộng cày cứ để nguyên vẫn cũng vẫn được*).

Câu thơ chữ Hán nghe có vẻ xa lạ với quần chúng nhưng có khi lại rất hợp, rất thú vị với một số phụ lão nông dân miền núi biết chút ít về chữ Hán, tuy nhiên việc đổi có lúc vội vã. Ví dụ: Câu “*Năm nay là năm rất vẻ vang*” là câu hay, câu đúng, nhưng nếu đổi thành câu “*Năm nay là năm tết vẻ vang*” thì lại không thể chính xác. Năm nay mà lại là *tết* thế nào được?

“*Vườn văn*” tuy chủ yếu gồm những thơ ca tuyên truyền, vận động, nhưng cách tuyên truyền và nội dung tuyên truyền cũng phong phú, nhiều vẻ. Bài đầu tiên đăng ở số báo thứ nhất ra ngày 1-8-1941 là bài “*Khuyến đồng bào ta mua báo Việt Nam độc lập*” (thực ra tiêu đề này không có trong báo hồi đó. Sau này những người biên tập dựa vào nội dung mà cho tên).

Lời lẽ của người viết bài giản dị, vẫn biểu hiện chiều sâu của ý tưởng:

*“... Cho ta biết đó, biết đây
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian
Cho ta biết kết đoàn tổ chức
Cho ta hay sức lực của ta
Cho ta biết chuyện gần xa
Cho ta biết nước non ta là gì...”*

Trong hoàn cảnh lúc đó, biết được “Sức lực của ta”, biết được “nước non ta là gì” thật ra là một điều vô cùng quan trọng. Có lẽ trong mọi chặng đường lịch sử, sự hiểu biết này bao giờ cũng là cần thiết, hiểu biết để có sức mạnh đi lên.

Trong “*Vườn văn*” có bài thơ “Chúc tết” đầu tiên trong hệ thống những bài thơ “Chúc tết” của Bác, sau này những người làm sách ghi là “Mừng xuân 1942” với một số câu như:

*“Chúc toàn quốc ta năm này
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới”.*

(Nguyên văn trên báo “*Việt Nam độc lập*” là: “*Cờ đỏ ngôi sao bay phấp phới*”). Câu thơ vẽ ra một viễn cảnh tươi sáng của đất nước, là một tứ thơ xuyên suốt thơ mừng xuân trong mấy chục năm qua.

Trong “*Vườn văn*” có hai bài thơ châm biếm của Bác đả kích hai tên thực dân: Pê tanh (Pétain), tên Thống chế đầu hàng Đức đang làm Quốc trưởng bù nhìn Pháp và Đờ cu (Decoux) tên toàn quyền ở Đông Dương vừa quỳ gối rước phát xít Nhật vào.

Một số tác giả viết chuyên luận về thơ Bác đã phân tích nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Bác qua hai bài thơ này.

Chúng tôi nghĩ: Nghệ thuật sử dụng ngôn từ hay rộng ra là nghệ thuật xây dựng hình tượng kẻ thù thực dân, đế quốc là do Bác đã có tài năng và nhiều kinh nghiệm từ khi Bác viết *Bản án chế độ thực dân*, viết những truyện ký *Những trò lố hay Va-ren và Phan Bội Châu* trong những năm hai mươi của thế kỷ trước, nhưng điều quyết định nghệ thuật ấy là ở tâm cỡ tư tưởng và thế đứng vững chắc của Bác.

Kẻ thù dưới con mắt của Bác dù hung hãn đến đâu chẳng qua cũng chỉ là những tên hề đang làm “Trò lố”⁽¹⁾.

Đọc những câu thơ: “Pê tanh lão tướng hóa hôi tanh” của Bác viết năm 1942 ta nhớ đến câu: “Tay lo⁽²⁾ mà hóa chân lo mất rồi” của Bác viết trong những năm đế quốc Mỹ hung hãn nhất đang muốn đẩy đất nước ta trở lại thời kỳ đồ đá.

Nhớ lại những năm 40 của thế kỷ trước, sau khi đầu hàng Đức, Pê tanh còn lên tiếng kêu gọi “Pháp - Việt phục hưng”.

Ở nhà trường lúc đó các thầy giáo và học trò hàng ngày phải nghiêm chỉnh chào cờ hai nước rồi vào lớp “tụng kinh” mấy đoạn “Lời thống chế khuyên nhủ học sinh”. Chúng ta vẫn còn kinh ngạc, hồi đó tại núi rừng Việt Bắc âm u, rậm rạp Bác đã chỉ trán kẻ thù:

(1) Một truyện ký của Bác viết bằng tiếng Pháp.

(2) Tay lo: Một đại tướng 4 sao của Mỹ.

*Bán nước lại còn khoe cứu nước
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm đại
Tiếng xấu muôn đời nhuộm sử xanh.*

Tặng thống chế Pê tanh,
ngày 11/7/1942

Đối với kẻ thù bao giờ Bác cũng nhìn nhận bản
chất đầy mâu thuẫn, bản chất bịp bợm của chúng:

*Đối dân Nam Việt thì lên mặt
Gặp bọn Phù Tang chí đội khu.*

Tặng toàn quyền Đờ cu,
ngày 11/8/1942

Bác còn chú thích ở cuối bài: Phù Tang là Nhật,
đội khu là đội dít. Đờ cu hay Pê tanh đều cùng
chung số phận.

Lẽ bại vong của chúng đã rõ ràng, cần chi phải
một lời to tát:

*Cũng như thống chế Pê tanh vậy.
Chú cứ cu cù được mãi ru?*

Hình thức tuyên truyền, phát động tư tưởng có
lúc rất uyển chuyển, tươi vui, dí dỏm.

Bài “Chơi giảng” là một ví dụ.

Cuộc đối thoại rất tự nhiên trong một khung
cảnh nên thơ:

*Gặp tuần giảng sáng dạo chơi giảng.
Sẵn nhẩn vài câu hỏi chị Hằng.*

Chị Hằng nói năng những vấn đề chính trị rất
duyên dáng của một người “Đã từng soi khắp núi
sông” không phải đi tiêu dao, du ngoạn mà rất quan
tâm đến sự nghiệp của “nước nhà”:

*Nước nhà giành lại nhờ gan sắt
Sự nghiệp làm nên bởi chữ Đồng.
Tổ chức tuyên truyền càng rộng rãi.
Tức là cách mệnh ắt thành công.*

Tham gia viết phần thơ ca cho mục “*Vườn văn*” còn có một vài cán bộ ở gần Bác, nhưng trong hai năm đầu, hầu như Bác đảm nhận gần hết.

Từ mùa thu năm 1942, sau khi Bác lên đường công tác ở nước ngoài, những người biên tập báo thường chọn một số bài thơ của Bác in trong tập *Ba mươi bài ca Việt Minh* để đăng.

Trong quá trình sưu tập thơ ca của mục “*Vườn văn*”, đặc biệt là thơ ca trong hai năm đầu (từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 8 năm 1942), chúng tôi thấy có một số bài rất gần gũi với phong cách của Bác, xin mạnh dạn giới thiệu:

Bài thứ nhất: *Cờ đỏ ngôi sao.*

Bài đăng trên số báo 107, ra ngày 1/10/1941, dài 24 câu.

Đây là 8 câu đầu tiêu biểu cho phong cách ấy:

*Lúc Tổ quốc đang gặp cơn gió bụi
Vẻ vang thay lá cờ đỏ ngôi sao
Đỏ là màu nhiệt huyết của đồng bào
Dồn dập lại nên phong trào giải phóng.
Nó tràn khắp cả ba kỳ rất chóng
Nó cuốn theo cả toàn quốc nhân dân
Nó không chia quý tiện và phú bần
Nó không chia gái trai và lão ấu...*

Đây là một bài thơ sớm nhất ca ngợi lá cờ đỏ sao vàng, một biểu tượng cao đẹp, tươi thắm của Cách mạng tháng Tám sẽ bùng lên mấy năm sau. Hình ảnh ngôi sao năm cánh in đậm trong tâm trí Bác, lúc này lại xuất hiện lung linh rực rỡ, một năm sau trong giấc mộng vào một đêm khuya:

Trần trọc năm canh giấc chẳng thành.

(Trong bài: Không ngủ được)

ở chốn lao tù Tưởng Giới Thạch.

Bài thứ hai: *Nga- Đức chiến tranh.*

Bài đăng trên số báo 118, ra ngày 21/2/1942, dài 31 câu. Chế giễu tham vọng mù quáng của phát xít Đức và ca ngợi sức mạnh tiềm tàng, vững chắc của Hồng quân Liên Xô:

*... Nào đâu Nga thật anh hùng
Đánh cho quân Đức chạy không có đường
Đến mùa đông, tuyết sương như trút
Quân Đức thì cổ rụt, tay rung
Nga thì càng đánh, càng hung
Càng lâu càng mạnh, càng xung càng bền...*

Bài thơ đi đến kêu gọi đồng bào hãy nhìn rõ thời cơ mà đứng lên giành lấy độc lập, tự do:

*Nếu chúng ta không lo, không tính
Chỉ khoan tay chờ thánh, chờ thần
Đến khi dịp tốt xa gần
Ta không có sức xoay vần thì sao?
Hỡi quốc dân đồng bào đứng dậy!
Chặng ta cùng nắm lấy tay nhau
Bất phân quý tiện, giàu nghèo*

Ai ai cũng phải theo vào Việt Minh

Để mà khôi phục nước mình.

Bài thứ ba: *Chinh phụ ngâm của người Đức.*

Bài thơ đăng trên số báo 120, ra ngày 10-3-1942, dài 36 câu.

Hồi ký của một cán bộ quân đội theo Bác đi chiến dịch Biên giới năm 1950 có kể:

“Buổi hành quân chiều, để cho vui đường, Bác dạy chúng tôi học *Chinh phụ ngâm*. Những lời thơ mà ngày nào tôi được mẹ ru em bây giờ được Bác đọc lại mới thiết tha ý nghĩa làm sao! Tôi nhớ và thích nhất những câu:

Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt

Khói Cam tuyền mờ mịt thức mây

Chín lần gươm báu trao tay

Nửa đêm truyền hịch, định ngày xuất chinh.

Lời thơ cũ, tình hình mới, tự nhiên chúng tôi thâm đoán chuyện đi này của Bác...”

Bài *Chinh phụ ngâm của người Đức* viết theo hình thức một bức thư, thác lời một người vợ lính Đức có chồng ở trong hàng ngũ phát xít đang bị cưỡng ép theo đuổi cuộc chinh chiến tuyệt vọng:

Đường thiếp về, sương rơi như trút

Đường chàng đi, tuyết trút như tương

Nhớ chàng lòng thiếp vẫn vương

Phân sâu phận thiếp, phần thương phận chàng.

Bức tranh qua trí tưởng tượng của người vợ lính Đức là cuộc tiến công hùng dũng, quyết liệt của Hồng quân Liên Xô vào đội quân phát xít.

*Tàu Nga vùn vụt bay qua
Kinh thiên động địa, bom sa đầy thành
Phía Đông thành tan tành xưởng máy
Phía Tây thành ùn cháy cửa nhà
Bá Linh có tiếng phồn hoa
Xưa kia lâu các, nay là đống tro.*

Là sự thất bại liên tiếp, là số phận điêu linh, thảm hại của lính Hít-le:

*Thiếp thương chàng càng lo, càng tính
Tính hôm nay, chàng tránh nơi nao
Ra miền Các - kếp⁽¹⁾ cao cao
Hay miền Đô - nết⁽²⁾ đi vào sâu sâu
Miền cao cao, bom ào ào nổ
Miền sâu sâu, tăng rộ rộ theo
Hong quân tiến tới hò reo
Quân chàng đã trốn khỏi đèo Vát - ma⁽³⁾.*

Bài thơ có đoạn tập “Chinh phụ ngâm” rất tài hoa.

*Đêm đêm thiếp đem hoa thử bói
Bao giờ chàng cuốn gói lại nhà
Hoa rằng: Tám, bốn, sáu, ba
Mau thì sáu tháng, chầy đà một năm.*

Kết thúc bài thơ là niềm hy vọng nồng mạnh của người vợ lính Đức: Một ngày nào đó, quân phát xít sẽ bị đánh tới bờ, nhân dân thế giới được yên bình, may ra người chồng được trở lại chốn quê:

*Cờ hồng pháp phối bốn phương
Muôn dân đều bước lên đường tự do.*

(1), (2), (3) Các-kếp, Đô-nết, Vát-ma là những địa danh của nước Nga hồi đó.

Bài thơ xuất hiện vào tháng 3 năm 1942 càng chứng tỏ một trình độ nhận thức sâu sắc của người viết. Giữa lúc cả thế giới còn lo ngại về sức mạnh của đội quân phát xít Đức và lực lượng Hồng quân Liên Xô lúc đó chưa phải đã chiếm ưu thế thật rõ rệt, bài thơ ra đời là những lời tiên đoán, những lời dự cảm tài tình.

Vì phải giữ bí mật, thơ ca trong “*Vườn văn*” không ghi tên tác giả. Còn một số bài thơ rất gần với phong cách của Bác, cần được tiếp tục sưu tập, xác minh.

“*Vườn văn*” được Bác vun trồng, chăm bón ngày càng tươi tốt. Từ cuối mùa thu năm 1942, nhận nhiệm vụ của đoàn thể sang Trung Quốc công tác, Bác không phụ trách báo *Việt Nam độc lập* nữa nhưng “*Vườn văn*” vẫn giữ được hương sắc cho đến ngày Tổng khởi nghĩa toàn quốc tháng Tám năm 1945.

III - NHỮNG VĂN THƠ LẺ TRÊN BÁO *VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

Tập *Thơ - Hồ Chí Minh* của nhà xuất bản Văn học và tập sách cùng tên của nhà xuất bản Giáo dục đã chọn in một số văn thơ lẻ của Bác.

Bên cạnh một số bài xã luận, một bản tin tức, một bức thư gửi, một bài ca... của Bác thường có văn thơ lẻ.

Hiện tượng đó thể hiện phong cách độc đáo của Bác làm cho người đọc dễ nắm được nội dung bài viết và dễ có cảm giác vui tươi, thoải mái.

Trên báo *Việt Nam độc lập*, kể từ số đầu tiên ra ngày 01/8/1941 đến các số cuối tháng 8 năm 1945 đều có vần thơ lẻ.

Bắt đầu từ số tháng 9, tháng 10 năm 1942 trở đi, những vần thơ lẻ ít hẳn đi rồi không thấy xuất hiện nữa.

Những vần thơ lẻ thường xuất hiện:

1. Ở ngay dưới tên báo:

Ví dụ:

*Nhiều điều phải lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng*
(Ngày 1/8/1941)

*Nước Nam là của nước ta
Nước kia đã mất thì nhà còn đâu?*
(Ngày 11/8/1941)

*Báo là bạn tốt của ta
Biết ủng hộ báo mới là người khôn.*
(Ngày 10/1/1942)

*Thử xem xong cuộc chiến tranh
Thế nào Nhật cũng tan tành tả tơi*
(Ngày 21/4/1942)

2. Bên cạnh một bài xã luận:

Bên cạnh bài: *Chị em phụ nữ phải đoàn kết lại* là câu:

*Phụ nữ cũng là quốc dân
Phải lo khôi phục giang sơn nước nhà.*
(Ngày 1/12/1941)

Bên cạnh bài: *Nên học sử ta* là câu:

*Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.*

(Ngày 1/2/1942)

Bên cạnh bài: *Nhật nhất định thua* là câu:
*Đừng thấy Nhật thắng mà lo
Rồi ra chúng sẽ thua ta sợ gì.*

(Ngày 1/4/1942)

V.V...

3. Bên cạnh dòng tin biểu dương việc làm tốt của hội viên Cứu quốc:

Ví dụ: Bên cạnh tiêu đề: Trẻ em đáng khen.

Biểu dương một em bé trong Hội Nhi đồng Cứu quốc biết dành tiền ủng hộ báo là câu:

Trẻ em đã biết hy sinh

Tấm lòng yêu nước làm kinh quân thù.

Bên cạnh tiêu đề: *Bà cụ đáng khen.* Biểu dương một bà cụ đã sáu mươi tuổi mà vẫn hằng hái cổ động cho đoàn thể là câu:

Tuổi già phơi phất mái sương

Mà lòng cứu nước chẳng nhường một ai.

(Ngày 11/6/1942)

4. Bên cạnh bài “Ca binh lính” là câu:

Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh

“Việt binh cứu quốc” rạng danh muôn đời.

(Ngày 1/11/1941)

5. Bên cạnh một hình vẽ:

Cạnh hình vẽ một huy chương, ngôi sao năm cánh có hai chữ V.M ở giữa thưởng cho những hội viên có thành tích. Ví dụ:

Làm giỏi thì được mẽ đay

Chúng ta đều phải xắn tay mà làm.

Tóm lại: Qua những vần thơ lẻ, ta thấy rõ tấm lòng và niềm tin của Bác và cũng thấy ở đây một kiểu, một phong cách báo chí cách mạng rất gần gũi với bạn đọc đông đảo tại căn cứ địa đang chuyển động này.

IV - KHÍ THỂ KHỞI NGHĨA QUA NHỮNG VẦN THƠ TRÊN BÁO *VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

Tất cả cho khởi nghĩa giành Chính quyền về tay nhân dân, đó là khí thế, là nội dung của những vần thơ trên báo *Việt Nam độc lập*.

Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, thơ văn rồi báo chí yêu nước cách mạng của ta đã xuất hiện từ lâu, nhưng khí thế thì khó được mạnh mẽ, hào hùng, vững chãi như ở thời kỳ này, bởi vì nhận thức và thực tiễn đã phát triển hơn hẳn. Sức mạnh của nhận thức ấy là ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, là dự đoán thiên tài của Bác Hồ.

Hội ký của các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng đều nhắc đến sự nhận định vô cùng sâu sắc về tình hình thế giới và trong nước của Bác trong những năm 1941 - 1942.

- Đầu năm 1942, cán cân lực lượng giữa đồng minh và phát xít chưa hẳn đã nghiêng thật rõ nét về bên nào, thế mà một bài thơ dài 33 câu của tờ báo đã sảng khoái cổ vũ chiến thắng bước đầu của Hồng quân Liên Xô.

Sau khi chế giễu thói hung hăng, tham tàn của bọn phát xít Đức muốn lao đầu vào chỗ chết, bài thơ nhiệt liệt ca ngợi sự anh hùng, tất thắng của quân đội Nga:

*Ngò đầu Nga thật anh hùng
Đánh cho quân Đức chạy không có đường
Đến mùa đông, tuyết sương như trút
Quân Đức thì cổ rứt, tay rung
Ngc thì càng đánh càng hung
Càng lâu càng mạnh, càng xung càng bền!
Khi Đức tiến, tiến lên như sóng
Khi Đức lùi, lùi chóng như sa
Rồi đây Đức chắc thua Nga
Ngc mà thắng Đức thì ta có phần
Sóng dân chủ sẽ tràn thế giới....*

Dựng lên bức tranh về cục diện thế giới, tác giả đi đến kêu gọi mọi người hãy nhìn rõ thời cơ, vận hội:

*Nếu chúng ta không lo, không tính
Chí khoanh tay chờ thánh, chờ thần
Đến khi dịp tốt xa gần
Ta không có sức xoay vần thì sao?
Hỡi toàn quốc đồng bào đứng dậy!
Chúng ta cùng nắm lấy tay nhau
Bất phân quý tiện, nghèo giàu
Ai ai cũng phải theo vào Việt Minh
Để nà khôi phục nước mình.*

Từ niềm tin “Đức chắc thua Nga”, các bài thơ trong những năm sau tiếp tục mô tả vẻ mặt thảm hại của lè lũ phát xít.

Đến tháng 5 năm 1945, một bài báo đã đính đạc thông báo tin tức và mĩa mai những tên trùm phát xít: “Cuộc chiến tranh ở châu Âu đã kết thúc! Nước Đức đã đầu hàng vô điều kiện”.

Hiệp ước đình chiến giữa Đức và các nước đồng minh đã ký ngày thứ hai, mồng 7 tháng 5 năm 1945 lúc 12 giờ 30 phút khuya.

Tổng trưởng ngoại giao Đức tuyên bố: “Quốc dân Đức và quân đội Đức chân tay trối buộc”, đầu hàng kẻ thắng may nhờ rủi chịu”.

Cạnh dòng tin trong mục “*Vườn văn*” có bài thơ “Khóc Hítle”:

*Bác Hítle ta tự tử rồi
Con ma phát xít thế là thôi
Bao năm vùng vẫy thời tung ngược
Một phút tan tành sự nghiệp xuôi
Sống nữa nhưng e mang lăm tội
Chết đi cho rảnh họa xong đời
Nhưng mà lịch sử còn ghi để
Tiếng xấu nghìn thu một kiếp người*

(Số báo: 216, Ngày 10/5/1945)

Người đọc khá thú vị về những bài thơ rất dài phản ánh sự phức tạp, éo le của tình hình thế giới như các bài: “Mừng Mút-xô-li-ni bị đánh đổ”, “Mặt trận thứ hai đã mở”, “Thủ tướng Nhật Đông Điều phải từ chức”, “Hítle cầu nguyện”.v.v...

Lấy ví dụ một bài thơ *Mặt trận thứ hai đã mở*:
*Hítle nằm vắt tay lên trán
Nghĩ gần xa chê chán mấy đêm ngày
Rồi thì cho chú Hít cười tàu bay*

*Tìm Anh- Mỹ giải bày mưu xỏ lá
Rằng: “Chúng mình đều là bầu bạn cả
Phải cùng nhau kiếm cách đả Xô - Liên”
Nhưng Hítle điên đảo đã nhiều phen
Đâu có dễ ăn quen được mãi
Anh - Mỹ định thừa cơ chơi xỏ lại
Bụi rậm kia mặc chó dại rúc đầu vào
Hítie đương nước bí phải đánh nhào
Thế là cứ rúc đầu vào bụi rậm!
Xô - Liên là một bức tường đồng cao thăm
Vượt làm sao? Khó lắm Hítle ời!
Liều tử sinh ròng rã mấy năm trời
Kết quả chỉ chết người, tốn của
Anh - Mỹ đã chẳng thêm ủng hộ
Lại còn cho một vố mới là cay
Cùng Xô- Liên khăng khái bắt tay
Sự hợp tác càng ngày càng thắt chặt
Phct xít Đức đương khi sắp chết
Thì Mỹ - Anh lại kẹp xiết gọng kìm vào
Bể Măng- sơ bồng chốc nổi ba đào
Quên Anh - Mỹ đổ bộ vào đất Pháp
Tình thế như mưa sa, gió táp
Thành Xéc-bua trong chớp nhoáng thu xong
Lục không quân thuận lợi tiến công
Thành Căng cũng hạ xong nữa nốt
Cách mạng Pháp vẫn đương bông bột
Được thời cơ đứng dậy tuốt gươm ra
Hưởng ứng cùng Anh- Mỹ, và Nga*

*Phát xít Đức thế là bị tiêu diệt
Đức chết rồi Nhật cũng phải chết
Cơ hội này tốt biết là bao!
Đồng bào ta chuẩn bị mau mau
Hãy đứng dậy phát cao cờ khởi nghĩa.*

Số báo: 193 - Ngày 5/7/1944

Đọc *Việt Nam độc lập*, rõ ràng ta thấy một thế giới đang xung đột và biến chuyển mau lẹ lạ thường.

Năm nào báo cũng có bài thơ chúc Tết đồng bào, nêu lên dự đoán tình hình, khởi đầu là năm 1942 với bài thơ chúc Tết của Bác:

CHÚC NĂM MỚI

*Tháng ngày thắm thoát chóng như thoi
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi!
Chúc đồng bào trong đoàn kết mau
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này
Cờ đỏ, ngôi sao bay phát phối
Năm nay là năm rất vẻ vang
Cách mệnh thành công khắp thế giới.*

Số báo: 114 - Ngày 1/1/1942

Tết Dương lịch năm 1945, một bài thơ (mà đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tên tác giả) dài 40 câu, tổng kết tình hình năm qua và dự đoán năm mới khá dứt khoát:

Một nghìn chín trăm bốn năm

Là năm giải quyết chiến tranh toàn cầu.

Đến Tết Âm lịch năm ấy, một bài thơ chúc Tết tiếp theo hun đúc thêm niềm tin tưởng:

Tết năm mới nhà báo xin chúc

Chúc Đồng Minh đánh “Trục”⁽¹⁾ tan thân

Bốn phương Nam Bắc Đông Tây

Trên nền máu lửa chóng xây hoà bình.

Chúc Liên Xô hùng binh mãnh tướng

Nhằm Bá Linh thuận hướng đến mau.

.....

Chúc xong thế giới đó đây

Việt Nam độc lập chúc ngay đồng bào

Bài thơ Chúc tết đồng bào

Chúc năm nay không nao khủng bố

Sự kết đoàn củng cố hơn xưa

Vũ trang đón lấy thời cơ

Đứng lên giết giặc treo cờ tự do...

Số báo: 205 - Ngày 15/2/1945

Phản ánh những diễn biến của tình hình thế giới nhằm phát động nhận thức tình thế, thời cơ “có một không hai” mà hành động kịp thời, nhưng điều quan trọng là phải phản ánh thực tiễn sự vùng dậy của nhân dân cả nước, trước hết là căn cứ địa Việt Bắc.

Trong những năm 1941-1942, *Việt Nam độc lập* ca ngợi những tấm gương yêu nước của nhân dân căn cứ địa Việt Bắc. Sang năm 1943 tập trung

(1) “Trục” dùng chỉ liên minh ba phát xít: Đức - Ý - Nhật.

vào công cuộc chống khủng bố, đến năm 1944 nhất là năm 1945 từ một chiến khu Việt Bắc đang phát triển mau lẹ, *Việt Nam độc lập* nhiệt liệt chào mừng Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời, đăng thông báo số 1 của đội: Chiến thắng đồn Phay Khắt, thông báo số 2: Chiến thắng đồn Nà Ngần, thông báo số 3: Ủng hộ lực lượng võ trang Võ Nhai và ca ngợi thành tích của nhân dân Lũng Hoàng chống trả quyết liệt cuộc càn quét của địch.

Ca ngợi chiến thắng, *Việt Nam độc lập* đã dần dần phác thảo chân dung những con người trực tiếp làm nên chiến thắng:

*Núi Lũng Hoàng, sông Se Lao
Nghìn thu ghi tạc anh hào Việt Minh
Mặc dù đại bác liên thanh
Làm quân phát xít hoảng kinh mấy lần.*

Số báo: 204 - Ngày 2/2/1945

Hình ảnh anh giải phóng quân xuất hiện đầu tiên trong thơ ca hiện đại chân thực, cao đẹp:

*Tiếng tăm anh giải phóng quân
Đánh giặc đã giỏi, giúp dân lại nhiều
Đến đâu dân chúng đều yêu
Hết lòng giúp đỡ, hết điều chăm nom.*

Số báo: 233 - Ngày 20/7/1945

Ca ngợi chiến thắng, *Việt Nam độc lập* không quên những mất mát, một bài thơ khóc đồng chí Hồng Việt đã hy sinh tại Cao Bằng, một bài điệu đồng chí Đức Xuân hy sinh tại Bắc Kạn. Yêu thương đi liền với căm giận, *Việt Nam độc lập* biểu hiện nỗi căm ghét tên phản động khét tiếng Cung

Đình Vận - Tuần phủ Thái Nguyên, khi hắn bị ta trừng trị:

*Thằng Cung Đình Vận chết rồi
Ô hô! Hết kiếp chim mồi, chó săn
Xuất danh, bán nước hại dân
Tớ Pháp, tớ Nhật buôn dân hại nòi
Vừa rồi bị bắn chết toi.
Thế là kết thúc cái đời Việt gian...*

Số báo: 225 - Ngày 10/8/1945

Tất cả để đi đến một công việc lớn là giành Chính quyền toàn quốc, tạo nên trang sử mới mẻ của dân tộc.

Sau ngày 19 tháng 8 năm 1945 một ngày, có lẽ tin tức khởi nghĩa ở Thủ đô chưa kịp truyền đến núi rừng trùng điệp, số báo ra đời ngày 20 tháng 5 năm 1945 đã cất cao lời hiệu triệu "Cướp ngay Chính quyền":

*Chính phủ phát xít Nhật Hoàng
Đã vô điều kiện, đầu hàng đồng minh
Thế là kết thúc chiến tranh
Á châu rồi sẽ thái bình từ nay
Hỡi dân Nam Việt ta đây
Trong tình hình ấy làm ngay việc cần
Việt Minh hiệu triệu toàn dân
Lập ngay Chính phủ nhân dân của mình.*

*

* *

Ra đời và tồn tại, phát triển tròn 4 năm (từ 1 tháng 8 năm 1941 đến 20 tháng 8 năm 1945) do Bác

Hồ sáng lập và chăm sóc chu đáo trong năm đầu, báo *Việt Nam độc lập* đã hoàn thành nhiệm vụ của mình là tham gia tích cực vào công việc phát động lòng yêu nước của nhân dân căn cứ địa Việt Bắc mà trình độ đọc, viết đương thời chưa có được là bao.

Tờ báo chủ yếu giúp người cán bộ có phương tiện đi vận động quần chúng thông qua những dòng tin tức, dòng xã luận... nhất là những dòng thơ ca mộc mạc, giản dị... làm cho bà con hiểu được những lẽ lớn của cuộc đời: Đuổi giặc, giữ nước, đập tan ách thống trị tàn bạo, giành cuộc sống tự do...

Thơ ca trong hoàn cảnh ấy có tác dụng thật không nhỏ. Trong số các bài thơ đôi chỗ có những bài đề là “Ca thô”, chứng tỏ sự tham gia sáng tác của những cán bộ và bạn đọc là những người thuộc các dân tộc anh em.

Đừng ai vội chê nghệ thuật ngôn từ, câu chữ lúc này bởi vì thời gian đâu có nhiều mà chau chuốt.

Ngôn từ không sao theo kịp nhận thức, cảm xúc và nhận thức không sao theo kịp sự chuyển biến mau lẹ của hiện thực.

Ra đời trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, từng có những hạn chế, *Việt Nam độc lập* cũng như những tờ báo cách mạng khác, lưu hành trong thời kỳ bí mật đã gợi cho ta những bài học về nhận thức sáng suốt, về niềm tin rực cháy, về khí thế tấn công.

Phần thứ hai

SƯU TẬP - TUYỂN CHỌN



Trong phần này, tác giả ghi trung thành các bài thơ đã đăng trên báo *Việt Nam độc lập* tính từ số đầu ra ngày 1-8-1941 đến số cuối ra ngày 20-8-1945 để giúp bạn đọc có thể ôn lại một chặng đường lịch sử tròn 4 năm. Vì thế cách sắp xếp các bài là theo thứ tự thời gian.

Ví dụ: - Thơ ca năm 1941

- Thơ ca năm 1942, vv...

Ở cuối từng bài thơ có ghi thật chính xác số báo và ngày ra đời. Ví dụ: Số 115, ra ngày 10-1-1942...

Ở các bài thơ trên báo hồi đó đều không ghi tên tác giả nhưng bạn đọc vẫn nhận thấy các bài thơ trong hai năm 1941 và 1942 phần nhiều là của Bác Hồ, ít nhiều đã được in trong một số sách như: *Thơ - Hồ Chủ tịch* (Nhà xuất bản Văn học năm 1967....) nhưng vẫn còn khá nhiều bài mà ta chưa xác định được, chỉ mới mạnh dạn phỏng đoán. Ví dụ bài: *Cờ*

đỏ ngôi sao và bài Chinh phụ ngâm của người vợ Đức, vv...

Việc xác định có thể nhiều khó khăn, nhưng đó là công việc thú vị. Cũng cần lưu ý là: Từ tháng 8 năm 1942, Bác sang Trung Quốc công tác, có để lại một số bài thơ ở nhà, sau này đã đăng tiếp trên báo.

Bạn đọc cũng dễ nhận thấy: Tờ báo đã động viên được nhiều người tham gia viết bài, hoặc là trí thức cách mạng, hoặc là cán bộ quần chúng, ví dụ: Ở phần sưu tập này có 3 bài làm bằng tiếng Tày đương thời ghi là *Ca Thổ* (nghĩa là thơ ca của người Tày).

I. THƠ CA NĂM 1941

*Nhiều điều phải lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

*Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt
Làm dân ta như diếc như mù
Làm ta dở dại, dở ngu
Biết gì việc nước, biết đâu việc đời
Báo “Độc lập” hợp thời đệ nhất
Làm cho ta mở mắt mở tai
Cho ta biết đó biết đây.
Ở trong việc nước ở ngoài thế gian
Cho ta biết kết đoàn tổ chức
Cho ta hay sức lực của ta
Cho ta biết chuyện gần xa
Cho ta biết nước non ta là gì?*

*Ai không chịu ngu si mù tối
Ắt phải xem báo ấy mới nên
Giúp cho báo ấy vững bền
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời.*

Số báo: 101 - Ngày 1/8/1941

*Nước Nam là của nước ta
Nước kia đã mất thì nhà còn đâu?*

*Giặc Nhật cười cổ giặc Tây
Giặc Tây cười cổ một bầy dân Nam
Dân Nam ta quyết không cam
Đế quốc ác thú bắt làm ngựa trâu
Mau mau đoàn kết cùng nhau.
Để đánh Tây, đánh Nhật để lo tự cường*

Số báo: 102 - Ngày 11/ 8/1941

VỢ GỬI CHO CHỒNG BỊ TÙ Ở SƠN LA

*Anh ơi anh, chồng hỡi chồng
Từ ngày ly biệt thiếp nay trông mai chờ
Cha già mẹ yếu con thơ
Nuôi già dạy trẻ thiếp cậy nhờ vào đâu.*

*Đói no bữa cháo, bữa rau
Tuy lao khổ em dám đâu phàn nàn
Đêm khuya em tự hỏi han
Vì ai ta phải lìa tan thế này.
Anh nguyên có tội tình gì?
Mà Tây cũng phải bắt đi ở tù
Vì anh muốn chống kẻ thù
Vì anh lo nước mất dân ngu nổi hèn
Vì anh tranh đấu mấy phen
Vì anh mong giải phóng cho cháu Tiên con
Rồng
Em xin anh chớ phiến lòng
Em tuy hèn yếu, quyết thay chống tranh đấu
cho đến nơi.*

Số báo: 102 - Ngày 11/8/1941

*Đoàn thể ta có mấy triệu người
Ra tay chèo chống cuộc đời nước ta
Mai sau anh trở lại nhà
Ánh trăng càng tỏ màu hoa càng nồng.*

Như Mai

*“Việt Nam độc lập” thổi kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Để cùng nhau cứu nước non ta*

Số báo: 103 - Ngày 21/8/1941

TUẦN LỄ VỀ VANG

Chiến tranh giữa Đức, Anh, Nga
Nước Tcu kháng chiến bốn năm qua
Tây hàng Xiêm và nhường cho Nhật
Kinh tế quân sự ở nước ta
Tình hình thế giới và trong nước
Đều rất nghiêm trọng lắm đó mà
Đoàn thể ta phải đủ lực lượng
Để lo khôi phục lại nước nhà
Vậy nên lãnh tụ phái thượng cấp
Đạo khắp các tỉnh để tuần tra
Vừa rồi thượng cấp tới tỉnh này
Thật là vinh hạnh cho tỉnh ta
Dân chúng kéo nhau ra đón tiếp
Gái với trai và trẻ lẫn già
Nhiều người đi mấy chục cây số
Không oán mệt nhọc, không quản xa
Ai cũng đem quà biếu thượng cấp
Người biếu cặp vịt, kẻ con gà
Người biếu con cá kẻ chai rượu
Người biếu giày dép, kẻ mùi xoa
Trẻ em gái bé cười chúm chím
Biếu cho thượng cấp mấy chùm hoa
Nhiều cầu quốc hội thì biếu cờ
Giữa cờ có khẩu hiệu thêu ngang qua

Lại có nhiều bức ý kiến thư
Tỏ cùng thương cấp lòng dân ta
Khi thấy thương cấp gần tới nơi
Tiếng vỗ tay vang như sấm nổ ra
Thương cấp quân chúng đều cảm động
Thân mật như anh em một nhà
Khai hội diễn thuyết và huấn thoại
Nhi đồng cứu quốc thì xướng ca
Nhiệt liệt xưa nay chưa từng có
Người đông chật ních chen không ra
Các đội tự vệ rất nghiêm chỉnh
Bảo vệ quân chúng và tuần tra
Lúc nào người cũng đông như kiến
Nơi 6, 7 trăm nơi 5, 3
Dân chúng đồng thanh hô khẩu hiệu
“Đánh Pháp,, đuổi Nhật! Liên Trung Hoa”
“Việt Nam độc lập chóng thành công”
“Ủng hộ lãnh tụ đoàn thể ta”
Hô rồi lại cứ hô không mỏi
Ầm ầm như sấm dội gần xa
Mặc dầu khủng bố dân không sợ
Dân chúng như thế mới thật là
Từ đây dân chúng càng phấn đấu
Để đuổi Pháp, Nhật khỏi nước nhà
Ký giả trông thấy sung sướng quá
Sắn chép việc này thành bài ca.

DÂN CÀY

*Thương ôi! Những kẻ dân cày
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao
Lại còn thuế nặng sưu cao.
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.
Lại còn phu dịch, tuần phiên.
Làm chết xác, được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu
Cái phân no ấm có đâu đến mình.
Muốn phá sạch nỗi bất bình
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào
Để cùng toàn quốc đồng bào
Đánh Pháp, Nhật gây phong trào tự do.
Dịp này là dịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện chương trình:
Nông dân có đủ ruộng mình làm ra.*

Số báo: 103 - Ngày 21/8/1941

PHỤ NỮ

*Việt Nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu rạng tiếng Bà Trưng
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Ấu thật anh hùng
Cưỡi voi đánh giặc vẫy vùng bốn phương
Mấy năm cách mệnh khẩn trương
Chị em phụ nữ thường thường tham gia
Mấy phen tranh đấu xông pha
Lòng vàng, gan sắt nào đà kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai
Bị làm án tử đến hai ba lần
Bây giờ cơ hội đã gần
Đánh Tây, đánh Nhật cứu dân nước nhà.
Chị em cả trẻ đến già
Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh
Đưa nhau vào Hội Việt Minh
Trước giúp nước sau giúp mình mới nên
Làm cho thiên hạ biết tên
Làm cho rõ mặt cháu Tiên con Rồng.*

TRẺ CON

*Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan
Chẳng may vận nước gian nan
Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng.
Học hành, giáo dục đã không
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
Sức còn yếu, tuổi còn thơ
Mà đã khó nhọc cũng như người già!
Có khi lìa mẹ, lìa cha
Đi ăn ở với người ta bên ngoài.
Vì ai mà đến thế này?
Vì giặc Nhật với giặc Tây bạo tàn
Khiến ta nước mất, nhà tan
Trẻ em cũng phải cơ hàn xót xa
Vậy nên con trẻ nước ta
Phải đoàn kết lại để mà đấu tranh!
Người lớn cứu quốc đã đành
Trẻ em cũng phải ra giành một vai.
Bao giờ đuổi hết Nhật - Tây
Trẻ em ta sẽ là bấy con cưng.*

Số báo: 106 - Ngày 21/9/1941

CA CÔNG NHÂN

*Thành ai đắp, lâu ai xây
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu của cải kho tàng
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách, áo xơ
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm
Lại còn đánh chửi tàn phiến
Cúp lương tháng trước phạt tiền hôm qua.
Càng nghĩ lại càng xót xa
Vì ta mất nước, nên ta phải hèn
Để cho Pháp Nhật lộng quyền
Thẳng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào Hội Việt Minh
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà
Của ta, ta giữ, công ta ta cầm.*

CA BINH LÍNH⁽¹⁾

*Hai tay cầm khẩu súng dài
Ngắm đi, ngắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây
Lũ cướp nước, lũ đoạ đày dân ta
Lũ không yêu trẻ kính già
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà thôn xao
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao
Lũ đi vơ vét đồng bào Việt Nam.
Bắn được chúng chết cũng cam
Vì mình dù chết nước Nam vẫn còn!
Hay vì chút lợi cón con
Cái bằng cửu phẩm, cái lon đội nhì
Nhắm vào cách mạng bắn đi!
Quản chi nhân nghĩa, quản chi giống nòi
Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam
Việc chi lợi nước thì làm
Cứu dân, cứu nước há cam kém người?
Trong tay đã sẵn súng này
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành*

(1) Binh lính: Ở đây là những người Việt Nam bị cưỡng ép đi lính cho Pháp, bao gồm lính khố đỏ, khố xanh đương thời.

*Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh
Việt binh cứu quốc rạng danh muôn đời.*

Số báo: 110 - Ngày 1/11/1941

*Ta Tàu xưa nay vốn bạn thân
Ngày nay mục đích lại như nhau
Nếu như hai nước cùng đoàn kết
Kháng chiến nhất định thành công mau.*

Số báo: 104 - Ngày 1/9/1941

CỜ ĐỎ NGÔI SAO

*Lúc Tổ quốc đang gặp cơn gió bụi
Vẻ vang thay lá cờ đỏ ngôi sao
Đỏ là màu nhiệt huyết của đồng bào
Dồn dập lại nên phong trào giải phóng
Nó tràn khắp cả ba kỳ rất chóng
Nó cuốn theo cả toàn quốc nhân dân
Nó không chia quý triện và phú bần
Nó không chia gái trai và lão ấu
Hỡi người Việt là phải ra chiến đấu
Để cứu mình và cứu nước, cứu nhà
Đỏ là gương anh dũng của dân ta
Nó là cờ của Việt Nam độc lập
Sao năm cánh đã từng bừng rọi khắp*

*Không chỗ nào là không chiếu tới nơi
Nó oai nghiêm đóng chính giữa lưng trời
Nó sáng suốt và soi đường dân Việt
Năm cánh lại là hình dung đoàn kết
Cả sỹ, nông cho đến công, thương, binh
Toàn dân ta đều nhất chí đồng tình
Đoàn kết chặt như ngôi sao năm cánh
Đoàn kết chặt thì sức mình chắc mạnh
Chắc đánh tan lũ đế quốc Nhật - Tây
Chắc làm cho non nước Việt Nam này
Sớm pháp phối cờ Việt Nam độc lập.*

Số báo: 107 - Ngày 1/10/1941

KEUYÊN ĐỒNG BÀO

*Là hỡi đồng bào!
Cứu quốc phong trào!
Đã nổi dậy ào ào
Ta phải tính làm sao?
Lần sao làm sao tổ chức
Đóng tâm hiệp lực
Đé phát ngọn cờ đào
Kéo ngọn cờ đào
Giữa có ngôi sao lên cho cao!*

*Mé báo thù cứu quốc
Đánh Tây đánh Nhật*

*Làm cho Việt Nam độc lập
Cho hai mươi triệu đồng bào
Khởi vòng áp bức
Khởi vòng khổ cực
Được tự do bình đẳng dồi dào
Thế mới phải chí ước ao
Của con Hồng cháu Lạc
Thế mới là đáng anh hào.*

Số báo: 109 - Ngày 21/10/1941

NHÀ GIÀU

*Trong thì năm ngựa, năm trâu
Ngoài thì ruộng tốt, ao sâu một miền
Trong rương sẵn bạc sẵn tiền
Nhà cao cửa rộng không phiền không lo
Vợ con sung sướng ấm no
Nhà giàu như vậy cũng cho sướng rồi
Song mà nghĩ lại thương ôi!
Nhà tuy có, nước mất rồi thì sao
Nhật Tây ăn lớn, nói cao
Mà mình luôn cúi ra vào tôi người
Tuy là giàu có mười mười
Mà mai có thể là người tay không
Phân dân mất nước đau lòng
Gia tài vận mệnh nằm trong tay người*

*Muốn cơ nghiệp khỏi suy đồi
Phải lo cứu giống, cứu nòi mới nên
Người có sức đem sức quyn
Ta có tiền của quyn tiền của ta
Cứu nước tức là cứu nhà
Giàu mà như thế mới là giàu khôn.*

Số báo: 112 - Ngày 1/12/1941

*Dân ta phải cứu nước ta
Dân là dân nước, nước là nước dân.*

Số báo: 113 - Ngày 21/12/1941

*Rầm rầm binh lửa khắp năm châu
Dịp tốt cho ta để rửa thù
Giá phải đồng bào đoàn kết chống
Việt Nam độc lập khó gì đâu.*

Số báo: 113 - Ngày 21/12/1941

CHA KHUYÊN CON

*Nay cha có mấy lời găn bó
Cha muốn đem bày tỏ cùng con
Giờ nay Tổ quốc nước non
Gặp cơn nguy biến mà con đã từng
Con thấy Pháp hiện đương quỳ gối
Dâng Việt Nam cho sói Nhật hung*

*Dân ta một cổ hai tròng
Áp bức bóc lột khôn cùng xót xa
Con đã biết Pháp là cường bạo
Nhật lại càng hung bạo dã man
Một đôi ác nghiệt hung tàn
Cùng loài hùm dữ, cùng đàn beo hung
Con thử tính nòi Hồng giống Lạc
Sống thế nào dưới gót dã man
Cần gì ruộng đất cửa nhà
Vợ con cha mẹ, ông bà nữa sao?
Cha chỉ tiếc tuổi cao sức yếu
Trước quân thù phải chịu bó tay
Con là tuổi trẻ sức đầy
Há cam chịu nhục khoanh tay cúi đầu
Con hãy đem cả bầu nhiệt huyết
Theo những người kiên quyết anh hùng
Làm trai đối hiếu làm trung
Mới là con thảo vui lòng của cha
Con hãy mau đứng ra đi trước
Giết quân thù cứu nước một phen
Mai sau sử sách ghi tên
Thế là hiếu, thế là đền ơn cha.*

Số báo: 113 - Ngày 21/12/1941

CON KHUYÊN CHA

(Xem bài "Cha khuyên con" trong kỳ báo trước)

Mấy lời cha dạy đình ninh
Con đã hiểu hết sự tình một hai
Đã sinh ra đáng làm trai
Ở trong phải hiếu, ra ngoài phải trung
Trung cùng cơ nghiệp Lạc Hồng
Trung cùng Tổ quốc trung cùng nhân dân
Con nay đã quyết mười phần
Ra tay tranh đấu cứu dân nước nhà.

Cha vì tuổi tác đã già
Về đường danh tiếng lại là càng cao
Xin cha ra sức hô hào
Đi đâu cho cả đồng bào theo chung
Xưa nay những bậc anh hùng
Càng già càng mạnh, càng hùng càng kiên
Chỉ đường cho bạn thanh niên
Tuốt gươm giải phóng giành quyền tự do
Tuổi già sự nghiệp càng to
Tượng đồng bia đá thơm tho muôn đời
Con thừa cha bấy nhiêu lời.

Số báo: 114 - Ngày 01/01/1941